

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST.
Ngày 12-6-2025.
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
(lỗi đi).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.
2. Ông Trương Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: bà Quách Thúy Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tính-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “*tranh chấp quyền sử dụng đất (lỗi đi)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy ủy quyền ngày 15/3/2023 (có mặt).

Bị đơn: ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/. ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt).
 - 2/. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).
 - 3/. Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 2005 (có đơn xin vắng mặt).
 - 3/. Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 2005 (có đơn xin vắng mặt).
 - 4/. Anh Huỳnh Chí H1, sinh năm 2004 (có đơn xin vắng mặt).
 - 5/. Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).
 - 6/. Anh Lê Văn T2, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Nguyễn Văn Út E là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Nguyên bà H có thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, diện tích 560m², loại đất ao, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 10/3/1997, trước đây gia đình bà sử dụng thửa đất này làm đường mương di chuyển máy suốt lúa bằng ghe trệt và một phần là đường đi của người nhà vào làm ruộng bên trong, ông Huỳnh Văn B là con trai của bà có nhà bên riêng tiếp giáp thửa đất này, mọi người trong nhà ông B đi ra đường cũng thông qua một phần thửa đất này. Tuy nhiên do ông B thường xuyên chửi cha mắng mẹ, thậm chí còn đe dọa người thân khiến mọi người không dám đi qua. Năm 2020 ông B tự ý bắt cầu đi trên thửa đất này mà gia đình bà không ngăn cản được, năm 2022 ông B còn phun xịt thuốc diệt cỏ do bà trồng cho bò ăn, hành vi này đã được Công an huyện C và UBND huyện xử phạt hành chính, mâu thuẫn gia đình bà không hề hàn gắn được mặc dù chính quyền địa phương đã nhiều lần động viên giáo dục, xét thấy ông B không còn đạo lý và ngang nhiên bắt cầu cây để đi lán chiếm một phần diện tích đất của bà bề rộng khoảng 0,7m, chiều dài 90m, qua nhiều lần hòa giải ở cơ sở không thành. Nguyên nhân do ông B tự ý bắt cầu lán chiếm đất của bà H nên xảy ra tranh chấp, vụ kiện kéo dài đến nay.

Nay ông đại diện cho bà Nguyễn Thị H thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 30/8/2024 đồng ý mở cho ông B lối đi ngang 01 mét, chiều dài 93,9m, diện tích 92,7m² (phần B) nằm trong thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông B phải trả lại giá trị đất cho bà H theo giá mà Hội đồng định giá đã định, ngoài ra bà H không còn yêu cầu nào khác.

Theo ông Huỳnh Văn B là bị đơn trình bày: ông là con của bà Nguyễn Thị H, nguồn gốc thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, diện tích 560m², loại đất ao, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C là của bà H, theo yêu cầu của bà H yêu cầu ông tháo dỡ toàn bộ cầu cây trả lại diện tích đất lán chiếm, ông không đồng ý, ông không có chiếm đất của mẹ ông, ông chỉ bắt cầu để đi ra lộ công cộng, vì ngoài đường đi này ra ông không còn đường đi nào khác. Nguyên nhân ông bắt cầu làm đường đi ra lộ công cộng, bà H cho rằng ông lán chiếm đất của bà H nên xảy ra tranh chấp, vụ kiện kéo dài đến nay.

Nay ông thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 30/8/2024 yêu cầu bà H mở cho ông lối đi ngang 01m, chiều dài 93,6m, diện tích 92,7m² (phần B) nằm trong thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, để ông có đường đi từ nhà ra lộ công cộng, ông không đồng ý trả giá trị đất cho bà H, ông chỉ trình bày ý kiến, ông không làm đơn khởi kiện, ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ông Huỳnh Văn X là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) giữa bà H và ông B, ông thống nhất ý kiến của bà H, ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại bản tự khai anh Huỳnh Thanh N, anh Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Chí H1, chị Huỳnh Thị T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: anh, chị là con của ông Huỳnh Văn B, việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lỗi đi) giữa bà H và ông B, anh chị thống nhất ý kiến của ông B, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai anh Lê Văn T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: anh là con rể của ông Huỳnh Văn B, việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lỗi đi) giữa bà H và ông B, anh thống nhất ý kiến của ông B, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai bà Huỳnh Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Văn B, việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lỗi đi) giữa bà H và ông B, bà thống nhất ý kiến của ông B, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Thanh N, anh Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Chí H1, chị Huỳnh Thị T1, anh Lê Văn T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, các bên không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ kiện, V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 254 BLDS 2015.

Áp dụng Điều 19, 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 BLTTDS 2015.

Áp dụng Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị H gồm: bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn X phải giao lỗi đi là quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn B phần diện tích đất là 92,7m² (phần

B theo sơ đồ khảo sát) của thửa đất số 59A, loại đất ao, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị H đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận cho hộ ông Huỳnh Văn B được quản lý, sử dụng phần diện tích đất này.

(Kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát, đo đạc theo Công văn số 368/CNHCL ngày 30/8/2024 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C).

Đề nghị các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng đang sử dụng.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2/. Buộc hộ ông Huỳnh Văn B gồm: Ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Thanh N, anh Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Chí H1, chị Huỳnh Thị T1, anh Lê Văn T2 có nghĩa vụ phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 16.686.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí, chi phí khảo sát và định giá: Các bên đương sự phải chịu theo quy định trừ trường hợp miễn giảm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Thanh N, anh Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Chí H1, chị Huỳnh Thị T1, anh Lê Văn T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Út E là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 30/8/2024 đồng ý mở cho ông B lối đi ngang 01 mét, chiều dài 93,9m, diện tích 92,7m² (phần B) nằm trong thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông B phải trả lại giá trị đất cho bà H theo giá mà Hội đồng định giá đã định, ngoài ra bà H không còn yêu cầu nào khác.

Phía ông Huỳnh Văn B là bị đơn thống nhất theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 30/8/2024 yêu cầu bà H mở cho ông lối đi ngang 01 mét, chiều dài 93,9m, diện tích 92,7m² (phần B) nằm trong thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, để ông có đường đi ra lộ công cộng, ông không đồng ý trả giá trị đất cho bà H, ông chỉ trình bày ý kiến, ông không có làm đơn khởi kiện, ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau từ đó phát sinh tranh chấp.

Xét về diện tích phần đất làm lối đi mà các bên tranh chấp:

Về nguồn gốc phần đất: ông B cho rằng khi cha mẹ ông cho đất thì phải dành 01 phần đất diện tích 92,7m², thuộc thửa 59A làm lối đi cho gia đình ông vì phần đất của gia đình ông nằm bên trong thửa 59A. Xét lời nại ra của ông B là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, thửa đất số 59A, loại đất ao, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A, huyện C có nguồn gốc của cha mẹ ông đến năm 1997 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H2 đại diện hộ đứng tên. Quá trình kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai khiếu nại hay tranh chấp gì. Thực tế canh tác, sử dụng thì trên phần đất làm lối đi trước đây gia đình bà H2 sử dụng thửa đất này làm đường nương di chuyển máy suốt lúa bằng ghe trệt và một phần là đường đi của người nhà vào làm ruộng bên trong, ông Huỳnh Văn B là con trai của bà có nhà bên riêng tiếp giáp thửa đất này, mọi người trong nhà ông B đi ra đường cũng thông qua một phần thửa đất này. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối ý kiến của người khác thì phải cung cấp chứng cứ chứng minh, ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc cha mẹ ông cho đất ở phía trong thửa đất 59A có để lại một phần đất làm lối đi. Mặt khác qua xác minh chính quyền địa phương về nguồn gốc đất cho rằng không có nghe việc bà H2 để lại một phần thửa 59A dùng làm lối đi.

Tuy nhiên lối đi ngang 01 mét, chiều dài 93,9m, diện tích 92,7m² (phần B) nằm trong thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã được gia đình ông B đi cũng như sinh hoạt gia đình lâu dài từ trước cho đến nay. Phần đất ông B phía trong không có lối đi nào khác chỉ có quyền sử dụng đất là lối đi duy nhất của gia đình ông B. Quyền sử dụng đất về lối đi này đã được bà H2 thống nhất.

Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi giữa các đương sự có mối quan hệ thân tộc trong gia đình, mặt khác đã làm lối đi ổn định sinh hoạt hộ ông B và những người canh tác ruộng gần đó như chuyển vật tư xây dựng, chuyển lúa, vật tư nông nghiệp....

Để ổn định sinh hoạt quyền sử dụng đất về lối đi của gia đình ông B cũng như phong tục tập quán và tình hình an ninh chính trị ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục công nhận quyền sử dụng đất về lối đi thực tế từ trước cho đến nay cho hộ ông B tiếp tục quản lý sử dụng buộc hộ ông B có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường cho hộ bà H2. Công nhận này đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên đương sự có mối quan hệ thân tộc, ruột thịt, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình đôi bên.

Ngày 30/8/2024 Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C có Công văn số 368/CNHCL về cung cấp kết quả khảo sát, đo đạc thì tổng diện tích đất tranh chấp là $92,7m^2$, thuộc thửa đất số 59A, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A, huyện C do bà H2 đại diện hộ đứng tên.

+ Phần B diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng sử dụng là $92,7m^2$, thuộc thửa 59A, tờ bản đồ số 7 theo tài liệu đo đạc năm 1996.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì phần lối đi tổng diện tích là $92,7m^2$ (phần B theo sơ đồ khảo sát) của thửa đất số 59A, loại đất ao, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ bà H2, nếu mở lối đi cho hộ ông B phải có nghĩa vụ phải hoàn trả giá trị phần diện tích đất này cho hộ bà H2 là phù hợp. Theo biên bản định giá tài sản ngày 09/5/2025 thì giá đất là $180.000 \text{ đồng}/m^2 \times 92,7m^2 = 16.686.000 \text{ đồng}$. Nên hộ ông B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần diện tích đất này cho hộ bà H2 là 16.686.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí thẩm định, định giá: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 19, 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 166, 170, 179, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 245, 246, 254, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị H gồm: bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn X phải giao lối đi là quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn B phần diện tích đất là $92,7m^2$ (phần B theo sơ đồ khảo sát) của thửa đất số 59A, loại đất ao, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A,

huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị H đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận cho hộ ông Huỳnh Văn B được quản lý, sử dụng phần diện tích đất này.

(Vị trí đất theo sơ đồ khu đất Kèm Công văn số: 368/CNHCL ngày 30/8/2024 của Văn Phòng Đ Chi nhánh huyện C).

Đề nghị các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng đang sử dụng.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2/. Buộc hộ ông Huỳnh Văn B gồm: Ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Thanh N, anh Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Chí H1, chị Huỳnh Thị T1, anh Lê Văn T2 có nghĩa vụ phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 16.686.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm, tám mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/. Chi phí thẩm định, chi phí định giá và lệ phí cung cấp thông tin số tiền là 2.220.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm, hai mươi nghìn đồng*). Hộ ông Huỳnh Văn B có nghĩa vụ phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản. Do bà H đã tạm ứng trước lệ phí thẩm định, định giá tài sản số tiền 2.220.000 đồng nên bà H được nhận lại khi hộ ông B nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hộ ông Huỳnh Văn B phải nộp 834.000 đồng, bà H không phải nộp án phí.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.).

Nơi nhận:

-TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

Lê Thị Trúc Linh